

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Năm 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư 01/01/2008	Số dư 31/12/2008
I	Tài sản ngắn hạn	281,471,966,635	591,918,956,057
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	11,481,711,561	12,356,680,825
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	113,176,431,384	108,371,411,826
4	Hàng tồn kho	151,123,236,001	466,586,250,256
5	Tài sản ngắn hạn khác	5,690,587,689	4,604,613,150
II	Tài sản dài hạn	181,262,218,321	229,219,629,921
1	Các khoản phải thu dài hạn	415,480,000	415,480,000
2	Tài sản cố định	154,783,089,339	198,643,825,780
	- TSCĐ hữu hình	14,479,698,096	32,268,550,700
	- TSCĐ vô hình	112,599,396,162	112,409,005,878
	- TSCĐ thuê Tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	27,703,995,081	53,966,269,202
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	26,000,000,000	30,000,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	63,648,982	160,324,141
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	462,734,184,956	821,138,585,978
IV	Nợ phải trả	267,389,029,759	533,474,295,301
1	Nợ ngắn hạn	262,510,764,394	532,787,488,413
2	Nợ dài hạn	4,878,265,365	686,806,888
V	Vốn chủ sở hữu	195,345,155,197	287,664,290,677
1	Vốn chủ sở hữu	194,529,575,874	286,669,073,771
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	158,000,000,000	210,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	-	37,225,230,000
	- Cổ phiếu quỹ	-	-
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Các quỹ	6,204,490,544	17,633,996,620
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	30,325,085,330	21,809,847,151
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	815,579,323	995,216,906
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	815,579,323	995,216,906
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	462,734,184,956	821,138,585,978

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Quý 4/2008	Lũy kế
-----	----------	------------	--------

1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	335,377,973,366	4,286,974,395,516
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1,608,493,531	2,471,506,069
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	333,769,479,835	4,284,502,889,447
4	Giá vốn hàng bán	348,928,585,490	4,164,383,148,296
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(14,604,751,587)	120,674,095,219
6	Doanh thu hoạt động tài chính	6,728,917,568	30,389,394,127
7	Chi phí tài chính	14,505,395,258	55,550,297,206
8	Chi phí bán hàng	3,163,372,119	35,869,573,600
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,354,315,469	13,055,100,519
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(27,453,270,933)	46,034,163,953
11	Thu nhập khác	2,274,843,471	4,014,366,655
12	Chi phí khác	6,134,323	8,070,198
13	Lợi nhuận khác	2,268,709,148	4,006,296,457
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(25,184,561,785)	50,040,460,410
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(3,525,838,650)	7,005,664,457
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(21,658,723,135)	43,034,795,953
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2,049
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

TP Hồ Chí Minh, ngày 19/01/2009

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc